



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u>                               | <u>TRANG</u> |
|-----------------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 2 - 3        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 4 - 5        |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 6 - 7        |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 8            |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 9            |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 10 - 34      |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                            |                                          |
|----------------------------|------------------------------------------|
| Ông Đỗ Phan Châu           | Chủ tịch                                 |
| Ông Nguyễn Kim Trung       | Thành viên                               |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Phương | Thành viên                               |
| Ông Lê Danh Đạt            | Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 22/08/2013) |
| Bà Trương Thị Chính        | Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 22/08/2013) |

#### **Ban kiểm soát**

|                       |                                          |
|-----------------------|------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Tâm | Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 22/08/2013) |
| Bà Thái Hồng Vân      | Thành viên                               |
| Bà Phạm Thị Mai Huyền | Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 22/08/2013) |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                     |                                                   |
|---------------------|---------------------------------------------------|
| Ông Dư Hữu Danh     | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2013)       |
| Ông Đinh Quang Hiên | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2013)     |
| Ông Phạm Nghĩa      | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013) |
| Ông Phạm Tuấn Hà    | Phó Tổng Giám đốc                                 |

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Huỳnh Thanh Diễm Trang.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yếu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo được kiểm toán bởi Chủ nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính Hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính Hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính Hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Dư Hữu Danh**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013  
của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán Hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư công nợ phải thu, phải trả, và một số khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán Hợp nhất tại ngày 31/12/2013 của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận công nợ đầy đủ. Cụ thể như sau:

| Nội dung                 | Mã số | Số dư tại 31/12/2013 | Công nợ tồn đọng | Đã lập dự phòng | Tỉ lệ kiểm tra |
|--------------------------|-------|----------------------|------------------|-----------------|----------------|
| Phải thu khách hàng      | 131   | 16.863.241.777       | 9.558.782.811    | 8.227.856.650   | 6%             |
| Trả trước cho người bán  | 132   | 3.487.211.113        | 1.715.404.692    | 3.023.474.679   | 35%            |
| Các khoản phải thu khác  | 135   | 21.263.333.941       | 16.184.974.179   | 11.993.083.132  | 23%            |
| Người mua trả tiền trước | 313   | 568.258.092          | -                | -               | 50%            |
| Kí quỹ, kí cược ngắn hạn | -     | 822.313.400          | 700.000.000      | -               | 3%             |
| Dầu tư dài hạn           | 258   | 5.876.016.000        | 5.876.016.000    | -               | 0%             |

Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế. Tuy nhiên, với những tài liệu và tình hình thực tế, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục nêu tại bảng trên. Do đó, chúng tôi chưa xác định được số liệu cần điều chỉnh do các ảnh hưởng trên đến các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính Hợp nhất tại ngày 31/12/2013.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính Hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số

1496-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHANH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

**Nguyễn Tuấn Vinh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số

2067-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013

| TÀI SẢN                                    | Mã số      | Thuyết minh | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND  |
|--------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>23.920.578.231</b> | <b>45.709.248.875</b>  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền         | 110        | 4           | 1.509.853.033         | 9.782.714.864          |
| Tiền                                       | 111        |             | 1.509.853.033         | 9.282.714.864          |
| Các khoản tương đương tiền                 | 112        |             | -                     | 500.000.000            |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn        | 120        |             | -                     | -                      |
| Các khoản phải thu ngắn hạn                | 130        |             | 18.369.372.370        | 30.226.425.347         |
| Phải thu khách hàng                        | 131        |             | 16.863.241.777        | 18.688.765.513         |
| Trả trước cho người bán                    | 132        |             | 3.487.211.113         | 3.111.751.602          |
| Các khoản phải thu khác                    | 135        | 5           | 21.263.333.941        | 20.215.000.916         |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi        | 139        | 6           | (23.244.414.461)      | (11.789.092.684)       |
| Hàng tồn kho                               | 140        | 7           | 377.394.060           | 515.890.313            |
| Hàng tồn kho                               | 141        |             | 601.267.945           | 611.176.135            |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho             | 149        |             | (223.873.885)         | (95.285.822)           |
| Tài sản ngắn hạn khác                      | 150        |             | 3.663.958.768         | 5.184.218.351          |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 151        | 8           | 943.196.395           | 455.307.241            |
| Thuế GTGT được khấu trừ                    | 152        |             | 45.099.143            | 45.099.144             |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước   | 154        | 9           | 322.510.526           | 161.399.252            |
| Tài sản ngắn hạn khác                      | 158        | 10          | 2.353.152.704         | 4.522.412.714          |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>51.740.041.052</b> | <b>56.648.391.233</b>  |
| Các khoản phải thu dài hạn                 | 210        |             | -                     | -                      |
| Tài sản cố định                            | 220        |             | 44.101.404.494        | 48.680.971.198         |
| Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | 11          | 29.565.330.132        | 34.719.062.108         |
| - Nguyên giá                               | 222        |             | 54.611.190.470        | 56.154.139.859         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                   | 223        |             | (25.045.860.338)      | (21.435.077.751)       |
| Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        |             | -                     | -                      |
| Tài sản cố định vô hình                    | 227        | 12          | 13.750.000.000        | 13.750.000.000         |
| - Nguyên giá                               | 228        |             | 13.750.000.000        | 13.750.000.000         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                   | 229        |             | -                     | -                      |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | 13          | 786.074.362           | 211.909.090            |
| Bất động sản đầu tư                        | 240        |             | -                     | -                      |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn         | 250        | 14          | 3.080.016.000         | 5.257.163.112          |
| Đầu tư dài hạn khác                        | 258        |             | 8.876.016.000         | 11.053.163.112         |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |             | (5.796.000.000)       | (5.796.000.000)        |
| Tài sản dài hạn khác                       | 260        |             | 4.558.620.558         | 2.710.256.923          |
| Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | 15          | 314.733.748           | 751.097.900            |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại             | 262        | 16          | 1.571.415.010         | 674.583.949            |
| Tài sản dài hạn khác                       | 268        | 17          | 2.672.471.800         | 1.284.575.074          |
| Lợi thế thương mại                         | 269        |             | -                     | -                      |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>75.660.619.283</b> | <b>102.357.640.108</b> |

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính Hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2013

| NGUỒN VỐN                             | Mã số      | Thuyết minh | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND  |
|---------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                    | <b>300</b> |             | <b>23.186.765.752</b> | <b>32.898.039.968</b>  |
| Nợ ngắn hạn                           | 310        |             | 14.548.647.829        | 24.413.856.184         |
| Vay và nợ ngắn hạn                    | 311        | 18          | 887.400.000           | 2.491.513.040          |
| Phải trả người bán                    | 312        |             | 661.482.556           | 96.069.024             |
| Người mua trả tiền trước              | 313        |             | 568.258.092           | 4.484.290.959          |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước   | 314        | 19          | 820.503.667           | 1.335.596.521          |
| Phải trả người lao động               | 315        |             | 1.965.722.973         | 1.425.988.433          |
| Chi phí phải trả                      | 316        | 20          | 2.767.806.718         | 3.316.308.728          |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn | 319        | 21          | 6.877.473.823         | 11.264.089.479         |
| Nợ dài hạn                            | 330        |             | 8.638.117.923         | 8.484.183.784          |
| Phải trả dài hạn khác                 | 333        | 23          | 2.085.699.350         | 1.443.699.350          |
| Vay và nợ dài hạn                     | 334        | 22          | 6.508.486.960         | 6.508.486.960          |
| Doanh thu chưa thực hiện              | 338        |             | 43.931.613            | 531.997.474            |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>52.473.853.531</b> | <b>69.459.600.140</b>  |
| Vốn chủ sở hữu                        | 410        | 24          | 52.473.853.531        | 69.459.600.140         |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu             | 411        |             | 80.000.000.000        | 80.000.000.000         |
| Quỹ đầu tư phát triển                 | 417        |             | 2.052.178.753         | 2.052.178.753          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối     | 420        |             | (29.578.325.222)      | (12.592.578.613)       |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác            | 430        |             | -                     | -                      |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số          | 439        |             | -                     | -                      |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                 | <b>440</b> |             | <b>75.660.619.283</b> | <b>102.357.640.108</b> |

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| CHỈ TIÊU          | Mã số | Thuyết minh | Tại 31/12/2013 | Tại 01/01/2013 |
|-------------------|-------|-------------|----------------|----------------|
| Ngọai tệ các loại |       |             | 6.059,80       | 9.156,62       |
| - USD -           |       |             |                |                |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng

*(Chữ ký)*

Huỳnh Thanh Diễm Trang

Tổng Giám đốc



*(Chữ ký)*

Dư Hữu Danh



**BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

| Chi tiêu                                             | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2013                | Năm 2012                |
|------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                      |           |             | VND                     | VND                     |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01        | 25          | 76.978.455.540          | 83.082.146.076          |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | 25          | -                       | -                       |
| <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> | <b>25</b>   | <b>76.978.455.540</b>   | <b>83.082.146.076</b>   |
| Giá vốn hàng bán                                     | 11        | 26          | 71.723.298.304          | 78.130.354.622          |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>5.255.157.236</b>    | <b>4.951.791.454</b>    |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | 27          | 500.040.020             | 1.541.053.535           |
| Chi phí tài chính                                    | 22        | 28          | 1.187.024.616           | 1.578.570.874           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                     | <i>23</i> |             | <i>1.170.952.565</i>    | <i>1.551.208.561</i>    |
| Chi phí bán hàng                                     | 24        | 29          | 477.660.605             | 574.662.986             |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 25        | 30          | 22.170.530.883          | 32.022.021.761          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>30</b> |             | <b>(18.080.018.848)</b> | <b>(27.682.410.632)</b> |
| Thu nhập khác                                        | 31        | 31          | 1.337.664.481           | 10.577.260.143          |
| Chi phí khác                                         | 32        | 32          | 917.831.332             | 4.925.034.579           |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                | <b>40</b> |             | <b>419.833.149</b>      | <b>5.652.225.564</b>    |
| Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh       | 45        |             | -                       | -                       |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>             | <b>50</b> |             | <b>(17.660.185.699)</b> | <b>(22.030.185.068)</b> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 51        |             | -                       | 84.073.701              |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                           | 52        |             | 121.708.552             | (475.349.014)           |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>60</b> |             | <b>(17.781.894.251)</b> | <b>(21.638.909.755)</b> |
| <i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>                  | <i>61</i> |             | <i>-</i>                | <i>-</i>                |
| <i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>             | <i>62</i> |             | <i>(17.781.894.251)</i> | <i>(21.638.909.755)</i> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Thanh Diễm Trang

Dư Hữu Danh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

| Chi tiêu                                                       | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm 2013               | Năm 2012               |
|----------------------------------------------------------------|-----------|----------------|------------------------|------------------------|
|                                                                |           |                | VND                    | VND                    |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                 |           |                |                        |                        |
| Lợi nhuận trước thuế                                           | 1         |                | (17.660.185.699)       | (22.030.185.068)       |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                |           |                |                        |                        |
| Khấu hao TSCĐ                                                  | 2         |                | 5.106.255.769          | 5.585.153.485          |
| Các khoản dự phòng                                             | 3         |                | 11.383.909.840         | 17.305.096.167         |
| Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 4         |                | (1.133.745)            | -                      |
| Lãi, lỗ hoạt động đầu tư                                       | 5         |                | (487.074.345)          | (1.300.392.332)        |
| Chi phí lãi vay                                                | 6         |                | 1.170.952.565          | 1.551.208.561          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>                 | <b>8</b>  |                | <b>(287.275.615)</b>   | <b>1.110.880.813</b>   |
| <b>thay đổi vốn lưu động</b>                                   |           |                |                        |                        |
| Tăng giảm các khoản phải thu                                   | 9         |                | 2.754.882.147          | (16.005.366.625)       |
| Tăng giảm hàng tồn kho                                         | 10        |                | 9.908.190              | 413.025.532            |
| Tăng giảm các khoản phải trả                                   | 11        |                | (6.045.509.380)        | 6.335.629.888          |
| Tăng giảm chi phí trả trước                                    | 12        |                | (278.467.116)          | 3.275.022.764          |
| Tiền lãi vay đã trả                                            | 13        |                | (1.197.202.565)        | (1.524.958.561)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                              | 14        |                | (388.500.665)          | -                      |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          | 15        |                | 65.810.080             | -                      |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                          | 16        |                | -                      | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>                 | <b>20</b> |                | <b>(5.366.354.924)</b> | <b>(6.395.766.189)</b> |
| <b>doanh</b>                                                   |           |                |                        |                        |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                     |           |                |                        |                        |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21        |                | (635.110.000)          | (24.565.454)           |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22        |                | 614.545.456            | 3.930.454.545          |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                        | 25        |                | -                      | (3.000.000.000)        |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                | 27        |                | 279.717.387            | 1.385.013.535          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>               | <b>30</b> |                | <b>259.152.843</b>     | <b>2.290.902.626</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                  |           |                |                        |                        |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                                        | 34        |                | (1.604.113.040)        | -                      |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                        | 36        |                | (1.562.680.455)        | (2.095.973.500)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</b>                  | <b>40</b> |                | <b>(3.166.793.495)</b> | <b>(2.095.973.500)</b> |
| <b>doanh</b>                                                   |           |                |                        |                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                          | <b>50</b> |                | <b>(8.273.995.576)</b> | <b>(6.200.837.063)</b> |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                | 60        | 4              | 9.782.714.864          | 15.983.551.927         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |                | 1.133.745              | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                        | <b>70</b> | 4              | <b>1.509.853.033</b>   | <b>9.782.714.864</b>   |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng



**Huỳnh Thanh Diễm Trang**

  
**Tổng Giám đốc**  
**Đur Hữu Danh**

**THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)***1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vận chuyển Sài Gòn Tourist, số ĐKKD: 301864, do trọng tài kinh tế cấp ngày 28/04/1994. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2013).

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn, thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe ben bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không kinh doanh tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe/.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính Hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính Hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính Hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÓN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 10/06/2013, tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009. Từ ngày 11/06/2013 đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty áp dụng tỷ lệ trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

| Loại tài sản                   | Thời gian khấu hao (năm) |
|--------------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc         | 15 - 40                  |
| Máy móc thiết bị               | 10                       |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10                       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 5                        |

**3.7 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn**

- Địa chỉ: 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%

**Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Văn**

Địa chỉ: 01 Đường 42, Phường 4, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.

- Vốn điều lệ : 2.482.327.200 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Các khoản đầu tư dài hạn là cho vay và các khoản đầu tư mua cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

**3.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc ký kế toán).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)***Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo công văn số 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Ngoài ra, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 7 năm kể từ năm 2007.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn lại sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****3.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành...

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | Tại 31/12/2013       | Tại 01/01/2013       |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
|                            | VND                  | VND                  |
| Tiền mặt                   | 299,843.973          | 751.225.346          |
| Tiền gửi ngân hàng         | 1.210.009.060        | 8.531.489.518        |
| Các khoản tương đương tiền | -                    | 500.000.000          |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.509.853.033</b> | <b>9.782.714.864</b> |

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

|                                          | Tại 31/12/2013        | Tại 01/01/2013        |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                          | VND                   | VND                   |
| Bảo hiểm xã hội                          | 525.253.261           | -                     |
| Bảo hiểm y tế                            | 298.644.204           | -                     |
| Bảo hiểm thất nghiệp                     | 138.850.532           | -                     |
| Công ty CP KD & PT Nhà An Nghiệp Phát    | 2.762.225.940         | 2.762.225.940         |
| Phải thu bảo hiểm của lái xe taxi        | 287.903.271           | 1.109.560.395         |
| Công ty CP Đầu tư Tài chính Đất Việt (1) | 12.118.243.735        | 10.618.833.885        |
| Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa (2)        | 370.000.000           | 370.000.000           |
| Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân        | 45.600.000            | 45.600.000            |
| Phải thu thủ lao đã trả cho HĐQT         | -                     | 165.894.324           |
| Ứng trước Vietnam Airline                | -                     | 3.673.477.858         |
| Trung tâm xuất khẩu lao động             | 49.739.109            | -                     |
| Công ty TNHH ĐT XD & PT                  | 1.398.600.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Tư vấn XD Kết Cấu Việt   | 18.000.000            | -                     |
| Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang (3)    | 2.177.147.112         | -                     |
| Lãi dự thu                               | 398.228.889           | 179.040.000           |
| Công ty CP XNK Việt Tiếp                 | 196.011.241           | 196.011.241           |
| Phải thu khác                            | 478.886.647           | 1.094.357.273         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>21.263.333.941</b> | <b>20.215.000.916</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)**

(\*) (1): Là khoản phải thu tiền hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 17/06/2010 cho dự án tại 99C Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tái chính Đất Việt (Công ty Đất Việt) về việc hợp tác đầu tư, đóng góp tài chính và tài sản để thực hiện dự án nêu trên. Hai bên sẽ cùng nhau thành lập công ty cổ phần (Công ty Thực hiện Dự án) theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam để trực tiếp thực hiện dự án.

Theo đó, Công ty sẽ đóng góp bằng cách chuyển giao toàn bộ mặt bằng Khu Đất Dự Án và quyền sở hữu các công trình trên Khu đất nêu trên cho Công ty Đất Việt thực hiện dự án. Công ty Đất Việt sẽ cung cấp toàn bộ nguồn tài chính cần thiết để xin cấp phép xây dựng, lập dự án đầu tư, tiến hành xây dựng, khai thác Dự án Chung cư cao cấp - Cao ốc Văn phòng trên khu đất dự án nêu trên.

Căn cứ vào thỏa thuận phân chia kết quả kinh doanh của Hợp đồng hợp tác đầu tư, kể từ khi bàn giao mặt bằng Khu Đất Dự Án cho đến khi Dự Án đã hoàn thành chính thức được đưa vào khai thác, kinh doanh, Công ty Đất Việt sẽ trả cho Công ty 1.500.000.000 đồng/năm hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng mà Công ty đã chi trả. Số tiền này sẽ không đổi trong suốt thời hạn thi công, xây dựng và hoàn thiện Dự án.

Ngày 14/04/2011 hai bên ký phụ lục hợp đồng về việc Công ty Đất Việt đồng ý hỗ trợ thêm cho Công ty trong 2 năm (2011 và 2012) mỗi năm 6.400.000.000 đồng. Khoản chi này được tính vào tiền góp của Công ty Đất Việt vào thực hiện Dự án.

Đến nay, Công ty chưa thu đầy đủ tiền hỗ trợ theo đúng tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng.

(2): Là khoản cho Công ty cho Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa (Vĩnh Đa) vay theo Công văn số 120822/VD và Công văn số 230812/VD/KT như sau:

Công văn số 120822/VD ngày 22/08/2012, số tiền mượn 70.000.000 đồng, thời hạn là 3 tháng từ ngày 22/08/2012 đến 22/11/2012.

Công văn số 230812/VD/KT ngày 23/08/2012, số tiền mượn 300.000.000 đồng, thời hạn là 1 tháng từ ngày 23/08/2012 đến 23/09/2012.

Theo hai công văn nêu trên, nếu sau thời hạn thanh toán, Vĩnh Đa chưa hoàn trả số tiền đã mượn, Vĩnh Đa sẽ chịu lãi đối với thời gian quá hạn, theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa thu được lãi đối với hai khoản cho mượn này.

(3): Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17-08/HDHT/STC-PS ngày 07/04/2008 để cùng góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư trung tâm giải trí dịch vụ văn hóa, văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm và khu nhà hàng tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (núi dái), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 30 năm kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

Đồng thời, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/HĐHTKD-TN-2009 ngày 31/03/2009 giữa Công ty và Công ty SXTM XNK Tây Nam (gọi tắt là Công ty Tây Nam) thì Công ty Tây Nam sẽ tham gia góp vốn bằng quyền khai thác lợi thế của khu đất tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (núi dái), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh trong 30 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)**

Công ty phải trả cho Công ty Tây Nam số tiền khoản lợi nhuận hàng tháng không phụ thuộc vào lãi lỗ của dự án, từ năm thứ nhất đến năm thứ năm (kể từ tháng thứ 10 sau khi bàn giao một bằng) số tiền là 213.845.280 đồng/tháng tương đương 12.832 USD/tháng.

Theo Công văn số 41/2013/TN-KT ngày 04/01/2013 Công ty Tây Nam yêu cầu Công ty thanh toán tiền phân chia lợi nhuận từ 01/01/2010 đến 31/12/2012 là 9.631.699.200 đồng.

Hiện tại, căn cứ vào biên bản hợp ngày 11/05/2013, các bên gồm Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist và Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang đã thống nhất ngưng không thực hiện dự án xây dựng công trình tòa nhà cho thuê - nhà hàng tiệc cưới tại 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dài), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Đến nay, các bên vẫn đang tiếp tục thỏa thuận để thanh lý dự án.

**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI (\*)**

|                                        | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP KD và PT nhà An Nghiệp Phát | 2.762.225.940         | 1.381.112.970         |
| Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân      | 7.320.419.281         | 8.340.639.838         |
| Công ty XNK Việt Tiếp                  | 1.600.615.657         | 1.600.615.657         |
| Công ty CP Việt Nam Việt Nhật          | 278.036.475           | 278.036.475           |
| Công ty Cổ phần ĐT Tài Chính Đất Việt  | 8.051.622.838         | -                     |
| Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang      | 677.147.112           | -                     |
| CTY TNHH ĐT PT Thủ Thiêm               | 1.229.175.114         | -                     |
| Khác                                   | 1.325.172.044         | 188.687.744           |
| <b>Cộng</b>                            | <b>23.244.414.461</b> | <b>11.789.092.684</b> |

(\*): Căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu khó đòi, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên theo quy định.

**7. HÀNG TỒN KHO**

|                                             | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                       | 439.769.029           | 451.737.945           |
| Công cụ, dụng cụ                            | 32.910.853            | 27.275.353            |
| Hàng hoá                                    | 128.588.063           | 132.162.837           |
| <b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>    | <b>601.267.945</b>    | <b>611.176.135</b>    |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              | (223.873.885)         | (95.285.822)          |
| Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho | 377.394.060           | 515.890.313           |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HẠN**

|                           | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí hội viên Radius   | 27.742.354            | -                     |
| Chi phí trợ cấp thôi việc | 287.473.273           | 126.101.398           |
| Chi phí trang phục        | 140.929.000           | -                     |
| Chi phí vỏ ruột bình điện | 283.902.907           | -                     |
| Phân bổ CCDC              | 66.521.454            | 47.722.829            |
| Chi phí sửa chữa xe       | 60.258.691            | 136.982.697           |
| Khác                      | 76.368.716            | 144.500.317           |
| <b>Cộng</b>               | <b>943.196.395</b>    | <b>455.307.241</b>    |

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

|                                     | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 231.434.501           | 144.087.342           |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa      | 30.032.093            | 17.311.910            |
| Thuế giá trị gia tăng               | 61.043.932            | -                     |
| <b>Cộng</b>                         | <b>322.510.526</b>    | <b>161.399.252</b>    |

**10. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC**

|                                            | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng nhân viên                          | 1.530.839.304         | 2.676.399.314         |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 822.313.400           | 1.845.813.400         |
| <i>Trong đó:</i>                           |                       |                       |
| + Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân        | 700.000.000           | 700.000.000           |
| + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN           | -                     | 1.000.000.000         |
| + Trung tâm Thông tin Di động Khu vực 2    | -                     | 2.000.000             |
| + Khác                                     | 122.313.400           | 143.813.400           |
| <b>Cộng</b>                                | <b>2.353.152.704</b>  | <b>4.522.412.714</b>  |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Khoản mục                                                      | Nhà cửa<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị<br>dụng cụ quản lý<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>                                              |                                 |                            |                               |                                    |                  |
| Tại 01/01/2013                                                 | 1.383.565.206                   | 525.359.051                | 53.774.242.925                | 470.972.677                        | 56.154.139.859   |
| - Mua trong kỳ                                                 | -                               | -                          | 605.400.000                   | 29.710.000                         | 635.110.000      |
| - Thanh lý, nhượng bán                                         | -                               | -                          | (1.091.958.521)               | -                                  | (1.091.958.521)  |
| - Giảm khác(*)                                                 | (44.136.326)                    | (142.259.010)              | -                             | (288.614.994)                      | (475.010.330)    |
| - Điều chỉnh đo hợp nhất năm 2012                              | -                               | -                          | (611.090.538)                 | -                                  | (611.090.538)    |
| Tại 31/12/2013                                                 | 1.339.428.880                   | 383.100.041                | 52.676.593.866                | 212.067.683                        | 54.611.190.470   |
| <b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>                                          |                                 |                            |                               |                                    |                  |
| Tại 01/01/2013                                                 | 1.100.853.605                   | 421.190.042                | 19.504.851.691                | 408.182.413                        | 21.435.077.751   |
| - Khấu hao trong kỳ                                            | 8.567.016                       | 15.330.012                 | 5.052.449.368                 | 29.909.373                         | 5.106.255.769    |
| - Thanh lý, nhượng bán                                         | -                               | -                          | (182.430.200)                 | -                                  | (182.430.200)    |
| - Giảm khác(*)                                                 | (44.136.326)                    | (134.721.291)              | -                             | (523.094.827)                      | (701.952.444)    |
| - Điều chỉnh đo hợp nhất năm 2012                              | -                               | -                          | (611.090.538)                 | -                                  | (611.090.538)    |
| Tại 31/12/2013                                                 | 1.065.284.295                   | 301.798.763                | 23.763.780.321                | (85.003.041)                       | 25.045.860.338   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>                                         |                                 |                            |                               |                                    |                  |
| Tại 01/01/2013                                                 | 282.711.601                     | 104.169.009                | 34.269.391.234                | 62.790.264                         | 34.719.062.108   |
| Tại 31/12/2013                                                 | 274.444.585                     | 81.301.278                 | 28.912.813.545                | 297.070.724                        | 29.565.330.132   |
| Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: |                                 |                            | 3.734.513.981                 | VND                                |                  |

(\*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của một số tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở không thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2003, thay đổi chủ được cập nhật ngày 24/10/2008, khu đất có diện tích là 616,30 m<sup>2</sup>. Tài sản này được dùng thế chấp tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh để đảm bảo cho Hợp đồng vay số 09.111001/HĐTD-TDHH trình bày tại thuyết minh số 23.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

|                                                                                                  | Tại 31/12/2013     | Tại 01/01/2013     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                                                  | VND                | VND                |
| <b>Tổng số chi phí XDCB dở dang</b>                                                              | <b>786.074.362</b> | <b>211.909.090</b> |
| Trong đó:                                                                                        |                    |                    |
| - Chi phí đầu tư thiết kế dự án công trình văn phòng tại 106/781 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, HCM | 211.909.090        | 211.909.090        |
| - Chi phí thiết kế và xin cấp phép xây dựng lại tòa nhà 25 Pasteur                               | 477.636.363        | -                  |
| - Chi phí sửa chữa nhà tại Nguyễn Kiệm                                                           | 96.528.909         | -                  |

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                                             | Tại 31/03/2013 |                        | Tại 01/10/2012 |                        |
|---------------------------------------------|----------------|------------------------|----------------|------------------------|
|                                             | Số lượng CP    | Giá trị VND            | Số lượng CP    | Giá trị VND            |
| <b>Đầu tư dài hạn khác</b>                  |                | <b>8.876.016.000</b>   |                | <b>11.053.163.112</b>  |
| <u>Trong đó:</u>                            |                |                        |                |                        |
| Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang           |                | -                      |                | 2.177.147.112          |
| Tập đoàn Radius                             | 1              | 80.016.000             | 1              | 80.016.000             |
| Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đồng Dương (1) |                | 5.796.000.000          |                | 5.796.000.000          |
| Công ty TNHH TM DL Huyền Trang (2)          |                | 3.000.000.000          |                | 3.000.000.000          |
| <b>Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>    |                | <b>(5.796.000.000)</b> |                | <b>(5.796.000.000)</b> |
| Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đồng Dương (1) |                | (5.796.000.000)        |                | (5.796.000.000)        |
| <b>Tổng cộng</b>                            |                | <b>3.080.016.000</b>   |                | <b>5.257.163.112</b>   |

(1): Đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đồng Dương theo hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 15%/năm. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản lãi nào từ hợp đồng vay này. Căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản cho vay này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định lập dự phòng 100% đối với khoản cho vay này.

(2): Đầu tư vào Công ty TNHH TMDL Huyền Trang số tiền theo Hợp đồng liên doanh số 01/08/HĐLDKT ngày 01/08/2012 để cùng đầu tư vào khu du lịch FengShui resort & Spa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Lợi nhuận tối thiểu phân chia cho Công ty cổ định hàng năm là 18%/năm đủ dự án kinh doanh có hiệu quả hay không. Thời hạn của hợp đồng là 2 năm từ ngày 01/08/2012 đến 31/07/2014. Tuy nhiên từ thời điểm ký kết hợp đồng đến nay Công ty vẫn chưa thu được tiền phân phối lợi nhuận liên quan đến hoạt động liên doanh này.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

|                                             | <b>Tại 31/12/2013</b> | <b>Tại 01/01/2013</b> |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                             | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Chi phí sửa chữa nhà Nguyễn Kiệm            | -                     | 96.528.909            |
| Chi phí sửa chữa nhà 25 Pasteur             | 45.300.000            | 477.636.363           |
| Thiết kế xây dựng sân tập lái tại Củ Chi    | 65.321.591            | 107.321.590           |
| Phí làm lễ đường, sân tập lái xe tại Củ Chi | 156.500.000           | -                     |
| Công cụ dụng cụ                             | 36.080.440            | 69.611.038            |
| Khác                                        | 11.531.717            | -                     |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>314.733.748</b>    | <b>751.097.900</b>    |

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

|                                            | <b>Tại 31/12/2013</b> | <b>Tại 01/01/2013</b> |
|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                            | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Chênh lệch tạm thời                        | 7.850.508.720         | 8.465.617.810         |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp       | 20%                   | 20%                   |
| Điều chỉnh do hợp nhất                     | 1.313.266             | (1.018.539.613)       |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại</b> | <b>1.571.415.010</b>  | <b>674.583.949</b>    |

**17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

|                                         | <b>Tại 31/12/2013</b> | <b>Tại 01/01/2013</b> |
|-----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                         | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Ký quỹ xuất khẩu lao động               | 100.000               | 100.000               |
| Ký quỹ lễ hành nội địa                  | 50.000.000            | 51.353.274            |
| Ký quỹ lễ hành quốc tế                  | 250.000.000           | 250.000.000           |
| Công ty TNHH MTVTMDV&XNK Nhất Việt      | 43.121.800            | 43.121.800            |
| Công ty TNHH MTV TM & DV Huy Hoàng      | 372.000.000           | 372.000.000           |
| Hà                                      | -                     | -                     |
| Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay | 500.000.000           | 500.000.000           |
| Công ty TNHH May Nam Phú                | 317.250.000           | -                     |
| Công ty TNHH Du lịch Trần Việt          | 70.000.000            | -                     |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN          | 1.000.000.000         | -                     |
| Trung tâm Thông tin Di động Khu vực 2   | 2.000.000             | -                     |
| Công ty LD Hội chợ & Triển lãm Sài Gòn  | 20.000.000            | 20.000.000            |
| Khác                                    | 48.000.000            | 48.000.000            |
| <b>Cộng</b>                             | <b>2.672.471.800</b>  | <b>1.284.575.074</b>  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HDTD-TDH ngày 02/10/2009. <<Xem thêm tại thuyết minh số 23>>.

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                               | Tại 31/12/2013     | Tại 01/01/2013       |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|
|                               | VND                | VND                  |
| Thuế giá trị gia tăng         | 172.564.826        | 590.152.075          |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp    | 433.176.482        | 624.266.101          |
| Thuế thu nhập cá nhân         | -                  | 2.834.546            |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 214.762.359        | 118.343.799          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>820.503.667</b> | <b>1.335.596.521</b> |

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                               | Tại 31/12/2013       | Tại 01/01/2013       |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
|                               | VND                  | VND                  |
| Chi phí lãi vay               | -                    | 26.250.000           |
| Phí gửi xe                    | 99.030.239           | 136.704.000          |
| Phí kiểm toán                 | 70.200.000           | 48.500.000           |
| Thuế mặt bằng                 | 1.152.200.000        | 1.412.040.000        |
| Phí tư vấn phát hành cổ phiếu | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Vé máy bay công tác năm 2012  | -                    | 154.044.066          |
| Thuế xe du lịch               | 228.877.817          | -                    |
| Chi phí xăng xe               | 100.340.499          | -                    |
| Chi phí xuất khẩu lao động    | 707.456.781          | 704.856.781          |
| Chi phí lữ hành               | 256.857.291          | 551.925.680          |
| Chi phí phải trả khác         | 92.844.091           | 221.988.201          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>2.767.806.718</b> | <b>3.316.308.728</b> |

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

|                                           | Tại 31/12/2013       | Tại 01/01/2013        |
|-------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                           | VND                  | VND                   |
| Kinh phí công đoàn                        | 37.722.590           | 68.918.145            |
| Cổ tức phải trả                           | 3.713.050.615        | 5.275.731.070         |
| Trung tâm Xuất khẩu lao động              | 194.391.604          | 765.949.162           |
| Tiền ứng trước thực hiện Tour             | -                    | 106.771.934           |
| Phải trả tiền vé máy bay Việt Nam Airline | 254.341.046          | 2.655.220.410         |
| Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn              | -                    | 139.300.000           |
| Thù lao Hội đồng Quản trị                 | 517.600.000          | 165.894.324           |
| Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân         | 1.334.841.075        | 1.337.600.075         |
| Khác                                      | 825.526.893          | 748.704.359           |
| <b>Cộng</b>                               | <b>6.877.473.823</b> | <b>11.264.089.479</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

|                                                      | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ của Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)    | 58.900.000            | 58.900.000            |
| Nhận ký quỹ của Australian Trade Commission          | 19.500.000            | 19.300.000            |
| Nhận ký quỹ của Văn phòng đại diện CN Quảng Ninh     | 5.000.000             | 5.000.000             |
| Nhận ký quỹ của Công ty CP ĐT & PT An Thiện Nhân     | 150.000.000           | 150.000.000           |
| Nhận ký quỹ của các tài xế lái xe du lịch và xe taxi | 1.248.447.350         | 1.104.047.350         |
| Ký quỹ xe ngoài Taxi                                 | 498.600.000           | -                     |
| Ký quỹ đồng phục nhân viên bảo vệ                    | 105.252.000           | 106.252.000           |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>2.085.699.350</b>  | <b>1.443.699.350</b>  |

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Là khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HĐTD-TDHI ngày 02/10/2009 để mua 100 xe Toyota Vios 1.5E phục vụ cho kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay là 5 năm từ ngày 02/10/2009 đến 05/10/2014. Lãi suất vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam cộng 3%/năm, mức lãi suất này được điều chỉnh vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009, khoản vay trên được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****24.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tính hình góp vốn của của Công ty như sau:

|                               | Tại 31/12/2013<br>VND | Tại 01/01/2013<br>VND |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn  | 23.284.940.000        | 23.284.940.000        |
| Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa | 12.158.740.000        | 12.158.740.000        |
| Các cổ đông khác              | 44.556.320.000        | 44.556.320.000        |
| <b>Cộng</b>                   | <b>80.000.000.000</b> | <b>80.000.000.000</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****24.2 CỐ PHIẾU**

|                                                       | Tại 31/12/2013 | Tại 01/01/2013 |
|-------------------------------------------------------|----------------|----------------|
|                                                       | Cổ phiếu       | Cổ phiếu       |
| Số lượng cổ phiếu được phép ban hành                  | 8.000.000      | 8.000.000      |
| Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 8.000.000      | 8.000.000      |
| + Cổ phiếu thường                                     | 8.000.000      | 8.000.000      |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                        | -              | -              |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                       | 8.000.000      | 8.000.000      |
| + Cổ phiếu thường                                     | 8.000.000      | 8.000.000      |
| + Cổ phiếu ưu đãi                                     | -              | -              |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)                      | 10.000         | 10.000         |

**24.3 CÁC QUỸ**

|                       | Tại 31/12/2013 | Tại 01/01/2013 |
|-----------------------|----------------|----------------|
|                       | VND            | VND            |
| Quỹ đầu tư phát triển | 2.052.178.753  | 2.052.178.753  |
| Cộng                  | 2.052.178.753  | 2.052.178.753  |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

## 24.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục                           | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng             |
|-------------------------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|------------------|
|                                     | VND                          | VND                      | VND                                     | VND              |
| Tại 01/01/2012                      | 80.000.000.000               | 2.052.178.753            | 11.523.883.365                          | 93.576.062.118   |
| - Lợi nhuận trong năm               | -                            | -                        | (20.620.370.141)                        | (20.620.370.141) |
| - Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011 | -                            | -                        | (2.400.000.000)                         | (2.400.000.000)  |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi    | -                            | -                        | (77.552.224)                            | (77.552.224)     |
| - Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012   | -                            | -                        | (1.018.539.613)                         | (1.018.539.613)  |
| Tại 31/12/2012                      | 80.000.000.000               | 2.052.178.753            | (12.592.578.613)                        | 69.459.600.140   |
| Tại 01/01/2013                      | 80.000.000.000               | 2.052.178.753            | (12.592.578.613)                        | 69.459.600.140   |
| - Lợi nhuận trong năm               | -                            | -                        | (17.781.894.251)                        | (17.781.894.251) |
| - Thủ lao HĐQT năm 2010, 2011       | -                            | -                        | (222.391.971)                           | (222.391.971)    |
| - Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012   | -                            | -                        | 1.018.539.613                           | 1.018.539.613    |
| Tại 31/12/2013                      | 80.000.000.000               | 2.052.178.753            | (29.578.325.222)                        | 52.473.853.531   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**25. DOANH THU**

|                                                    | Năm 2013<br>VND       | Năm 2012<br>VND       |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>76.978.455.540</b> | <b>83.082.146.076</b> |
| Trong đó:                                          |                       |                       |
| + Doanh thu taxi                                   | 24.645.559.660        | 27.121.198.967        |
| + Doanh thu xe du lịch thuê ngoài                  | 7.348.674.944         | 8.446.413.575         |
| + Doanh thu khai thác dịch vụ du lịch              | 3.422.297.040         | 7.530.083.703         |
| + Doanh thu đào tạo                                | 2.590.387.133         | 978.100.908           |
| + Doanh thu lễ hành                                | 24.620.391.464        | 27.001.870.104        |
| + Doanh thu dịch vụ bảo vệ                         | 14.285.686.297        | 11.499.709.654        |
| + Doanh thu mỹ phẩm                                | 65.459.002            | 504.769.165           |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Doanh thu thuần</b>                             | <b>76.978.455.540</b> | <b>83.082.146.076</b> |

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                   | Năm 2013<br>VND       | Năm 2012<br>VND       |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn taxi                      | 23.031.666.312        | 24.444.366.418        |
| Giá vốn xe du lịch thuê ngoài     | 6.190.300.602         | 7.586.750.144         |
| Giá vốn khai thác dịch vụ du lịch | 4.135.464.346         | 7.368.616.637         |
| Giá vốn đào tạo                   | 3.171.625.471         | 2.593.530.199         |
| Giá vốn lễ hành                   | 22.314.593.118        | 25.799.562.967        |
| Giá vốn dịch vụ bảo vệ            | 12.637.316.259        | 9.792.179.015         |
| Giá vốn mỹ phẩm                   | 242.332.196           | 545.349.242           |
| <b>Cộng</b>                       | <b>71.723.298.304</b> | <b>78.130.354.622</b> |

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                          | Năm 2013<br>VND    | Năm 2012<br>VND      |
|------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay               | 273.906.275        | 1.385.013.535        |
| Lãi đầu tư Công ty TNHH TMDL Huyền Trang | 225.000.000        | 156.040.000          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện     | 1.133.745          | -                    |
| <b>Cộng</b>                              | <b>500.040.020</b> | <b>1.541.053.535</b> |



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                     | Năm 2013             | Năm 2012             |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                     | VND                  | VND                  |
| Lãi tiền vay                        | 1.170.952.565        | 1.551.208.561        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 1.644.661            | -                    |
| Chi phí tài chính khác              | 14.427.390           | 27.362.313           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>1.187.024.616</b> | <b>1.578.570.874</b> |

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

|                                      | Năm 2013           | Năm 2012           |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                      | VND                | VND                |
| Chi phí dụng cụ và đồ dùng văn phòng | 151.310.553        | 102.533.924        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 75.912.000         | 5.927.273          |
| Chi phí hoa hồng môi giới            | 250.438.052        | -                  |
| Chi phí khác bằng tiền               | -                  | 466.201.789        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>477.660.605</b> | <b>574.662.986</b> |

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                      | Năm 2013              | Năm 2012              |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | VND                   | VND                   |
| Chi phí nhân viên quản lý            | 5.612.941.239         | 5.920.229.966         |
| Chi phí đồ dùng văn phòng            | 79.282.061            | 190.180.420           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định     | 213.707.630           | 687.465.996           |
| Thuế phí, lệ phí                     | 97.918.560            | 54.509.280            |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 11.455.321.777        | 17.305.096.167        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 946.424.947           | 645.209.194           |
| Chi phí bằng tiền khác               | 3.764.934.669         | 7.219.330.738         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>22.170.530.883</b> | <b>32.022.021.761</b> |

**31. THU NHẬP KHÁC**

|                                                    | Năm 2013             | Năm 2012              |
|----------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                                    | VND                  | VND                   |
| Thanh lý tài sản cố định                           | 614.545.456          | 3.930.454.545         |
| Tiền bồi thường dự án 99C Phổ Quang                | -                    | 6.400.000.000         |
| Điều chỉnh giảm khoản nhận hỗ trợ bến bãi năm 2011 | -                    | (363.636.364)         |
| Thu tiền phạt chế taxi taxi                        | 58.487.411           | -                     |
| Thu nhập khác                                      | 664.631.614          | 610.441.962           |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>1.337.664.481</b> | <b>10.577.260.143</b> |

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)***32. CHI PHÍ KHÁC**

|                                            | Năm 2013           | Năm 2012             |
|--------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                                            | VND                | VND                  |
| Thanh lý tài sản cố định                   | 626.377.386        | 4.106.662.969        |
| Chi phí liên quan đến thuế bến bãi tại nhà | 155.235.392        | 292.291.374          |
| Ga quốc tế Tân Sơn Nhất                    |                    |                      |
| Phạt vi phạm hành chính                    | 110.063.893        | -                    |
| Chi phí khác                               | 26.154.661         | 526.080.236          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>917.831.332</b> | <b>4.925.034.579</b> |

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT- BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT- BTC ngày 06/11/2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Bảo cáo tài chính Hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Hợp nhất Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)****Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

|                | Công nợ    |            | Tài sản     |            |
|----------------|------------|------------|-------------|------------|
|                | 31/12/2013 | 31/12/2013 | 31/12/2013  | 31/12/2013 |
|                | VND        | USD        | VND         | USD        |
| Dò la Mỹ (USD) | -          | -          | 127.770.883 | 6.059,80   |

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty có tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009.

**Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp, nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

| <b>Tại 31/12/2013</b>        | <b>Từ 1 năm<br/>trở xuống<br/>VND</b> | <b>Trên 1 năm<br/>đến dưới 5 năm<br/>VND</b> | <b>Cộng<br/>VND</b>   |
|------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nợ phải trả tài chính</b> |                                       |                                              |                       |
| Vay và nợ                    | 887.400.000                           | 6.508.486.960                                | 7.395.886.960         |
| Phải trả cho người bán       | 661.482.556                           | -                                            | 661.482.556           |
| Chi phí phải trả             | 2.767.806.718                         | -                                            | 2.767.806.718         |
| Các khoản phải trả khác      | 6.877.473.823                         | -                                            | 6.877.473.823         |
| Phải trả dài hạn khác        | -                                     | 2.085.699.350                                | 2.085.699.350         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>11.194.163.097</b>                 | <b>8.594.186.310</b>                         | <b>19.788.349.407</b> |

  

| <b>Tại 01/01/2013</b>        | <b>Từ 1 năm<br/>trở xuống<br/>VND</b> | <b>Trên 1 năm<br/>đến dưới 5 năm<br/>VND</b> | <b>Cộng<br/>VND</b>   |
|------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nợ phải trả tài chính</b> |                                       |                                              |                       |
| Vay và nợ                    | 2.491.513.040                         | 6.508.486.960                                | 9.000.000.000         |
| Phải trả cho người bán       | 96.069.024                            | -                                            | 96.069.024            |
| Chi phí phải trả             | 3.316.308.728                         | -                                            | 3.316.308.728         |
| Các khoản phải trả khác      | 11.264.089.479                        | -                                            | 11.264.089.479        |
| Phải trả dài hạn khác        | -                                     | 1.443.699.350                                | 1.443.699.350         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>17.167.980.271</b>                 | <b>7.952.186.310</b>                         | <b>25.120.166.581</b> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

| Tại 31/12/2013                     | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến dưới 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND           |
|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                              |                                     |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.509.853.033                | -                                   | 1.509.853.033         |
| Phải thu khách hàng                | 8.635.385.127                | -                                   | 8.635.385.127         |
| Đầu tư dài hạn khác                | -                            | 3.080.016.000                       | 3.080.016.000         |
| Các khoản phải thu khác            | 9.270.250.809                | -                                   | 9.270.250.809         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>19.415.488.970</b>        | <b>3.080.016.000</b>                | <b>22.495.504.970</b> |
|                                    |                              |                                     |                       |
| Tại 01/01/2013                     | Từ 1 năm<br>trở xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến dưới 5 năm<br>VND | Cộng<br>VND           |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                              |                                     |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.782.714.864                | -                                   | 9.782.714.864         |
| Phải thu khách hàng                | 6.899.672.829                | -                                   | 6.899.672.829         |
| Đầu tư dài hạn khác                | -                            | 5.257.163.112                       | 5.257.163.112         |
| Các khoản phải thu khác            | 20.215.000.916               | -                                   | 20.215.000.916        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>36.897.388.609</b>        | <b>5.257.163.112</b>                | <b>42.154.551.721</b> |

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Công ty chỉ phát sinh doanh thu tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

| Năm 2013                                                    | Taxi                  | Xe du lịch           | Khai thác dịch vụ du lịch | Đào tạo              | Lữ hành               | Khác                  | Cộng                    |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
|                                                             | VND                   | VND                  | VND                       | VND                  | VND                   | VND                   | VND                     |
| Doanh thu thuần từ bán hàng                                 | 24.645.559.660        | 7.348.674.944        | 3.422.297.040             | 2.590.387.133        | 24.620.391.464        | 14.351.145.299        | 76.978.455.540          |
| <i>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> | <i>24.645.559.660</i> | <i>7.348.674.944</i> | <i>3.422.297.040</i>      | <i>2.590.387.133</i> | <i>24.620.391.464</i> | <i>14.351.145.299</i> | <i>76.978.455.540</i>   |
| Chi phí bộ phận                                             | (23.031.666.312)      | (6.190.300.602)      | (4.135.464.346)           | (3.171.625.471)      | (22.314.593.118)      | (12.879.648.455)      | (71.723.298.304)        |
| <i>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</i>                      | <i>1.613.893.348</i>  | <i>1.158.374.342</i> | <i>(713.167.306)</i>      | <i>(581.238.338)</i> | <i>2.305.798.346</i>  | <i>1.471.496.844</i>  | <i>5.255.157.236</i>    |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                      | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | (22.648.191.488)        |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>                    | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | <i>(17.393.034.252)</i> |
| Doanh thu hoạt động tài chính                               | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | 500.040.020             |
| Chi phí tài chính                                           | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | (1.187.024.616)         |
| Thu nhập khác                                               | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | 1.337.664.481           |
| Chi phí khác                                                | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | (917.831.332)           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | -                       |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                 | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | (121.708.552)           |
| <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>             | -                     | -                    | -                         | -                    | -                     | -                     | <i>(17.781.894.251)</i> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

**34. BẢO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

| Năm 2012                                                    | Taxi                  | Xe du lịch           | Khai thác dịch vụ du lịch | Đào tạo                | Lữ hành               | Khác                  | Cộng                    |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|
|                                                             | VND                   | VND                  | VND                       | VND                    | VND                   | VND                   | VND                     |
| Doanh thu thuần từ bán hàng                                 | 27.121.198.967        | 8.446.413.575        | 7.530.083.703             | 978.100.908            | 27.001.870.104        | 12.004.478.819        | 83.082.146.076          |
| <i>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i> | <i>27.121.198.967</i> | <i>8.446.413.575</i> | <i>7.530.083.703</i>      | <i>978.100.908</i>     | <i>27.001.870.104</i> | <i>12.004.478.819</i> | <i>83.082.146.076</i>   |
| Chi phí bộ phận                                             | (24.444.366.418)      | (7.586.750.144)      | (7.368.616.637)           | (2.593.530.199)        | (25.799.562.967)      | (10.337.528.257)      | (78.130.354.622)        |
| <i>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</i>                      | <i>2.676.832.549</i>  | <i>859.663.431</i>   | <i>161.467.066</i>        | <i>(1.615.429.291)</i> | <i>1.202.307.137</i>  | <i>1.666.950.562</i>  | <i>4.951.791.454</i>    |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận                      | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | (32.596.684.747)        |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>                    | <i>-</i>              | <i>-</i>             | <i>-</i>                  | <i>-</i>               | <i>-</i>              | <i>-</i>              | <i>(27.644.893.293)</i> |
| Doanh thu hoạt động tài chính                               | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | 1.541.053.535           |
| Chi phí tài chính                                           | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | (1.578.570.874)         |
| Thu nhập khác                                               | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | 10.577.260.143          |
| Chi phí khác                                                | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | (4.925.034.579)         |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | (84.073.701)            |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                 | -                     | -                    | -                         | -                      | -                     | -                     | 475.349.014             |
| <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>             | <i>-</i>              | <i>-</i>             | <i>-</i>                  | <i>-</i>               | <i>-</i>              | <i>-</i>              | <i>(21.638.909.755)</i> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính Hợp nhất)

## 35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 35.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

|                                     | Năm 2013           |
|-------------------------------------|--------------------|
|                                     | VND                |
| Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị | -                  |
| Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc | 837.478.500        |
| Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát     | -                  |
| <b>Cộng</b>                         | <b>837.478.500</b> |

## 35.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH - MTV, Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa...

Số dư với các bên liên quan

Tại 31/12/2013

## Các khoản phải thu khác

- Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa

VND

370.000.000

370.000.000

## 35.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang



Dư Hữu Danh